

Bản án số: **07/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 4 - 2019

“V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Căn và bà Đỗ Thị Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Thị Huyền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Liêu Nông T** (tên gọi khác: Tiêu), sinh năm: 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã D, huyện Đ, tỉnh N; Chỗ ở: Số nhà 20, đường T, khu B, phường L, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị L** (tên gọi khác: T), sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Số nhà 20, đường T, khu B, phường L, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Liêu Nông Tào trình bày:

- Về tình cảm vợ chồng: Anh Liêu Nông T và chị Phạm Thị L chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và dần mất đi sự gắn bó, yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Anh T thừa nhận chị L là người chịu khó làm ăn, vun vén cho cuộc sống gia đình và có lối sống lành mạnh, nhưng cuộc sống không có hạnh phúc do tính cách vợ chồng không hòa hợp. Nay, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị L.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung là: Liêu Phạm Anh T, sinh ngày

04/3/2010 và Liêu Gia H, sinh ngày 21/11/2011. Anh T đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Liêu Phạm Anh T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị L nuôi con chung Liêu Gia H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung vợ chồng: anh T trình bày không có.

* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Liệu trình bày:

- Về tình cảm: về thời điểm chung sống, việc đăng ký kết hôn như nội dung anh Liêu Nông T trình bày là đúng. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc không có điều tiếng gì tại địa phương, cũng như hai bên gia đình nội, ngoại. Tuy nhiên, chị L không hiểu vì lý do gì anh T lại làm đơn xin ly hôn chị L, trong khi cuộc sống giữa vợ chồng anh chị vẫn đang đầm ấm hạnh phúc. Chị L thừa nhận, trong quá trình chung sống đôi khi vợ chồng có xảy ra bất hòa nhỏ xuất phát từ điều nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng do anh T không quan tâm đến gia đình, điều này không làm ảnh hưởng gì đến hạnh phúc gia đình. Nay chị L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con chung.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung như anh T trình bày ở trên. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T thì chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị L trình bày như quan điểm của anh T nêu trên;

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019, các con chung của anh chị đều có nguyện vọng được chị Phạm Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho anh T- chị L ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Sổ hộ khẩu (02 bản sao); Căn cước công dân (02 bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); Giấy khai sinh (02 bản sao); Biên bản giao nhận (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính).

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

- + Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo qui định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Liêu Nông T (tên gọi khác: T) về việc: “Tranh chấp hôn

nhân và gia đình”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện anh Liêu Nông T (tên gọi khác: T) về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng qui định của pháp luật về thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Liêu Nông T, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài L chứng cứ trong vụ án, có đủ căn cứ xác định: anh T- chị L chung sống với nhau năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng qui định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng chị L không nhất trí như nội dung anh chị trình bày ở phần trên.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tại chính quyền địa phương nơi anh chị T- L sinh sống thể hiện: quá trình chung sống tại địa phương anh chị T- L có cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc, không có điều tiếng gì về lối sống. Chị L là người chịu thương chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình, còn anh T thì thường thấy ở nhà, không rõ công việc cụ thể như thế nào. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được, chỉ khi xác nhận giấy tờ liên quan đến việc khởi kiện thì địa phương mới được biết.

Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh thấy rằng lời khai của anh T về thực trạng cuộc sống vợ chồng như nêu trên là không có cơ sở.

Luật Hôn nhân và gia đình qui định:

“Điều 56: Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn... thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

Đối chiếu với qui định trên thấy không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn chị L. Do đó, cần xử không chấp nhận đơn khởi kiện của anh T về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

- Về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung: do đơn khởi kiện của anh T không được chấp nhận, nên không đề cập.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc anh Liêu Nông T (tên gọi khác: T) phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Liêu Nông T (tên gọi khác: T) về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc anh Liêu Nông T (tên gọi khác: T) phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0001526 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Anh T đã nộp đủ số tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA